TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm X , sinh ngày 09/01/1989, nơi cư trú: xã V , huyện C , tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyen Vincent D , sinh ngày 01/7/1967, nơi cư trú: Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm X trình bày:

Bà và ông Nguyen Vincent D tự tìm hiểu và đi đến kết hôn, được gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn số 133; Quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân tỉnh A ngày 02/6/2009.

Ngày 23/10/2012 bà được ông Nguyen Vincent D bảo lãnh sang Mỹ chung sống với ông, nhưng được khoảng vài tuần có một phụ nữ đến tìm và tôi biết là vợ của ông D , bà mới biết trước đó ông Dinh đã có vợ và 03 con nhưng không đăng ký kết hôn và đã ly thân. Sau khi nói rõ mọi chuyện bà cũng nghĩ sẽ tha thứ cho ông D , nhưng mọi chuyện không như bà mong muốn ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Sau đó bà nhiều lần trở về Việt Nam với ý nghĩ sẽ về thăm gia đình cho

khuây khỏa, để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại những chuyện đã qua. Nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài, đến ngày 16/6/2014 bà trở về Việt Nam sống để cả hai suy xét lại tình cảm của mình, từ đó đến nay ông D cũng có liên lạc với gia đình và bà nhưng sau 03 năm liên lạc ít dần, tình cảm dần phai nhạt, nhận thấy hôn nhân này là hôn nhân lừa dối và không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Vincent D .

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyen Vincent D đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên do: Đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyen Vincent D hiện tại đang cư trú tại Hoa Kỳ, nguyên đơn cư trú: xã V , huyện C , tỉnh A . Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có mặt bị đơn vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyen Vincent D đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác cơ quan có thẩm quyền hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được việc ủy thác do: Đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác. Tòa án đã yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Hoa Kỳ và Tòa án tỉnh An Giang đăng yêu cầu ly hôn của bà X trên cổng thông tin điện tử trong vòng 1 tháng; Nhưng ông D cũng không liên hệ Tòa án để có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà X . Căn cứ điểm c, khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị Diễm X và Nguyen Vincent D tự nguyện kết hôn, và có đăng ký kết hôn số 133; Quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân tỉnh A ngày 02/6/2009.

Sau khi kết hôn, bà X biết ông D từng có vợ con. Sau đó bà quay về việt Nam sinh sống từ đó hai bên dần ít liên lạc và không còn liên lạc với nhau nhiều năm. Thấy rằng việc vợ, chồng bà không chung sống cùng nhau nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được được, nên Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà đối với ông D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm

2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc Nguyễn Thị Diễm X xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà X và ông D trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị Diễm X và ông Nguyen Vincent D phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, điểm c khoản 6 Điễu77, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm X ;

1. Bà Nguyễn Thị Diễm X được ly hôn với ông Nguyen Vincent D .

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, Quyển 01 ngày 02/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Diễm X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà NguyễnThị Diễm X và ông Nguyen Vincent D trong thời kỳ hôn nhân thì bà NguyễnThị Diễm X và ông Nguyen Vincent D phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0012379 ngày 24/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A . Bà Nguyễn Thị Diễm X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà X phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 2.990.720 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi ngàn bảy trăm hai chục đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số TU/0001005 ngày 05/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh A. Bà X được nhận

lại 9.280 đồng (Chín ngàn hai trăm tám chục đồng).

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Diễm X phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0000958 ngày 05/11/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A . Bà Nguyễn Thị Diễm X đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm X là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyen Vincent D là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Gia đình và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Vũ